



**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam **Báo cáo của Ban Điều Hành**

Ban Điều Hành của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo của Ban Điều Hành và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn” hay “Vinamilk”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ban đầu được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước do Bộ Công nghiệp quản lý. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Vào ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty được đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	Thành viên

Ban Điều Hành

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều Hành Chuỗi Cung ứng
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Giám đốc Điều Hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều Hành Tài chính
Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều Hành Dự án
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Quyền Giám đốc Điều Hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm
Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân	Quyền Giám đốc Điều Hành Marketing
Ông Phạm Phú Tuấn	Quyền Giám đốc Điều Hành Kinh doanh

Kế toán trưởng

Ông Lê Thành Liêm

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.375.692 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.250.120 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam **Báo cáo của Ban Điều Hành (tiếp theo)**

Cổ tức được công bố trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 351.281 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 683.575 triệu VNĐ).

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn đã công bố cổ phiếu thưởng là 1:1, có hiệu lực vào ngày 18 tháng 9 năm 2009. Cổ phiếu thưởng này được trích từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện tại của Tập đoàn. Cổ phiếu thưởng này được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngoại trừ các thông tin được công bố tại Thuyết minh 35 cho báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Báo cáo trách nhiệm của Ban Điều Hành đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm này. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều Hành có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Tùy thuộc vào các sai sót trọng yếu được trình bày và diễn giải trong báo cáo tài chính, xác định rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều Hành xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc lưu giữ các sổ sách kế toán thích hợp mà trên đó phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán trình bày tình hình tài chính của Tập đoàn tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Điều Hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Báo cáo của Ban Điều Hành (tiếp theo)

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều Hành:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

0 1 MAR 2010



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều Hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 3 năm 2009.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Điều Hành, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 09-01-130



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

01 MAR 2010

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		5.069.157	3.187.605
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	426.135	338.654
Tiền	111		376.135	132.977
Các khoản tương đương tiền	112		50.000	205.677
Đầu tư ngắn hạn	120	11	2.314.253	374.002
Đầu tư ngắn hạn	121		2.400.760	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(86.507)	(122.996)
Phải thu ngắn hạn	130	5	728.634	646.385
Phải thu thương mại	131		513.346	530.149
Trả trước cho người bán	132		139.363	75.460
Các khoản phải thu khác	135		76.588	40.923
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(663)	(147)
Hàng tồn kho	140	6	1.311.765	1.775.342
Hàng tồn kho	141		1.321.271	1.789.646
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.506)	(14.304)
Tài sản ngắn hạn khác	150		288.370	53.222
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.986	31.460
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.399	19.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước Nhà nước	154		226.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.985	2.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
Tài sản dài hạn	200		3.412.879	2.779.354
Phải thu dài hạn	210		8.822	475
Phải thu khác	218		8.822	475
Tài sản cố định	220		2.524.964	1.936.923
Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.835.583	1.529.187
<i>Nguyên giá</i>	222		3.135.507	2.618.638
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(1.299.924)	(1.089.451)
Tài sản cố định vô hình	227	8	39.241	50.868
<i>Nguyên giá</i>	228		82.339	79.416
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(43.098)	(28.548)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	650.140	356.868
Bất động sản đầu tư	240	10	27.489	27.489
<i>Nguyên giá</i>	241		27.489	27.489
Đầu tư dài hạn	250	11	602.479	570.657
Đầu tư vào công ty liên kết	252		26.152	23.702
Đầu tư dài hạn khác	258		672.732	546.955
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(96.405)	-
Tài sản dài hạn khác	260		249.125	243.810
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	194.714	195.512
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	53.521	47.276
Tài sản dài hạn khác	268		890	1.022
TỔNG TÀI SẢN	270		8.482.036	5.966.959

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.808.931	1.154.432
Nợ ngắn hạn	310		1.552.606	972.502
Vay ngắn hạn	311	15	13.283	188.222
Phải trả thương mại	312		789.867	492.556
Người mua trả tiền trước	313		28.827	5.917
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	399.962	64.187
Phải trả công nhân viên	315		28.688	3.104
Chi phí phải trả	316	17	208.131	144.052
Các khoản phải trả khác	319	18	83.848	74.464
Nợ dài hạn	330		256.325	181.930
Phải trả thương mại	331		116.940	93.612
Nợ dài hạn khác	333	19	92.000	30.000
Vay dài hạn	334	20	12.455	22.418
Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp	336	21	34.930	35.900
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.637.739	4.761.913
Vốn chủ sở hữu	410		6.637.739	4.761.913
Vốn cổ phần	411	22	3.512.653	1.752.757
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.064.948
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(154)	-
Quỹ đầu tư và phát triển	417		1.756.283	869.697
Quỹ dự phòng tài chính	418		294.348	175.276
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		182.265	96.198
Lợi nhuận chưa phân phối	420		892.344	803.037
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	35.366	50.614
TỔNG NGUỒN VỐN	440		8.482.036	5.966.959

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	24	10.820.142	8.380.563
Các khoản giảm trừ	02	24	(206.371)	(171.581)
Doanh thu thuần	10	24	10.613.771	8.208.982
Giá vốn hàng bán	11	25	(6.735.062)	(5.610.969)
Lợi nhuận gộp	20		3.878.709	2.598.013
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	439.936	264.810
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	(184.828)	(197.621)
Chi phí bán hàng	24		(1.245.476)	(1.052.308)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(292.942)	(297.804)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.595.399	1.315.090
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	28	143.031	136.903
Chi phí khác	32	29	(7.072)	(6.730)
Phần lỗ trong liên doanh	40		-	(73.950)
Lợi nhuận trước thuế	50		2.731.358	1.371.313
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	30	(361.536)	(161.874)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	30	6.245	39.259
Lợi nhuận sau thuế	60		2.376.067	1.248.698

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	23	375	(1.422)
Cổ đông của Công ty	62		2.375.692	1.250.120
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	70	31	6.769	3.563

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

0 1 MAR 2010

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Cổ phiếu ngân quỹ Triệu VND	Quỹ đầu tư và phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng vốn chủ sở hữu Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.752.757	1.064.948	-	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	1.250.120	1.250.120
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(123.421)	-	(123.421)
Khác	-	-	-	-	-	-	10	10
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.752.757	1.064.948	-	869.697	175.276	96.198	803.037	4.761.913
Vốn cổ phần đã phát hành	1.759.896	(1.064.948)	(154)	-	-	-	(691.302)	3.492
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.375.692	2.375.692
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	886.586	119.072	238.144	(1.243.802)	-
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	(351.281)	(351.281)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(152.077)	-	(152.077)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.512.653	-	(154)	1.756.283	294.348	182.265	892.344	6.637.739

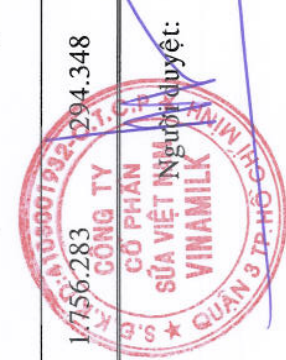
Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã	Thuyết	31/12/2009	31/12/2008
	số	minh	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.731.358	1.371.313
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		234.078	178.430
Các khoản dự phòng	03		62.020	124.892
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.486	(5.704)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(1.251)	-
Chi phí lãi vay	06		6.655	26.971
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	07		(134.747)	(93.622)
(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư khác	07		(23.032)	61.178
Lợi thế thương mại âm	07		(20)	-
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư trong công ty liên doanh	07		(139.577)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.738.970	1.669.727
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(68.042)	13.354
Biến động hàng tồn kho	10		453.953	(112.069)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		392.537	(105.919)
Biến động chi phí trả trước	12		10.276	(17.077)
			3.527.694	1.448.016
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.942)	(25.957)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(293.332)	(101.861)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.032	53.507
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(146.949)	(103.946)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		3.096.503	1.269.759

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(654.817)	(445.062)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		6.747	4.217
Mua trái phiếu và chứng khoán vốn	23		(200.000)	-
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	23		91.913	3.010
Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	24		134.267	-
Thu từ trái phiếu đến hạn	24		10.005	-
Thu hồi khoản vay từ công ty liên doanh	24		207.968	-
Chi đầu tư trong các đơn vị khác	25		(2.450)	(134.152)
Mua lại khoản vốn góp từ các cổ đông thiểu số trong công ty con	25		(15.603)	-
Thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		69.083	90.373
Tặng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	28		(2.123.387)	(50.191)
Khoản vốn góp của cổ đông thiểu số trong công ty con	28		-	20
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(2.476.274)	(531.785)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		3.646	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		(154)	-
Thu từ vay ngắn hạn	33		3.320	173.547
Hoàn trả các khoản vay	34		(188.222)	(9.963)
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(351.281)	(680.733)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(532.691)	(517.149)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		87.538	220.825
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		338.654	117.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(57)	10
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	426.135	338.654

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	31/12/2009	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn mua chưa trả tiền	167.623	36.245

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hay “Vinamilk”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 4 công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	100%

Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam, là công ty con 100% sở hữu bởi Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế. Công ty này là công ty con 100% sở hữu bởi Vinamilk.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 4.670 nhân viên (31/12/2008: 4.532 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“triệu VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Điều Hành cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ gia súc	6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định được tính theo nguyên giá và không phân bổ.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 12 đến 48 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập doanh nghiệp này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(p) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(q) Các khoản thanh toán cho việc thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho việc thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Phát hành cổ phiếu thưởng là việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện tại mà Tập đoàn không thu bất cứ khoản tiền nào. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên mà không có sự gia tăng nguồn vốn. Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh theo tỉ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông được lưu hành với giả thuyết sự kiện này đã xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm báo cáo.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý. Hoạt động của Tập đoàn nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa và nước trái cây.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(u) Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên

Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên vì những đóng góp cho Tập đoàn được hạch toán như một giao dịch tăng vốn và không hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Xuất khẩu”).

	Trong nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Doanh thu bán hàng	9.415.221	6.993.223	1.198.550	1.215.759	10.613.771	8.208.982
Giá vốn hàng bán	(5.886.501)	(4.727.145)	(848.561)	(883.824)	(6.735.062)	(5.610.969)
Thu nhập của bộ phận	3.528.720	2.266.078	349.989	331.935	3.878.709	2.598.013

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Tiền mặt	636	648
Tiền gửi ngân hàng	374.659	130.544
Tiền đang chuyển	840	1.785
Các khoản tương đương tiền	50.000	205.677
	<hr/>	<hr/>
	426.135	338.654

Trong tiền và các khoản tương đương tiền ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền khác VNĐ tương đương 66.781 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 137.553 triệu VNĐ).

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	147	751
Tăng dự phòng trong năm	588	432
Sử dụng trong năm	-	(967)
Hoàn nhập trong năm	(72)	(69)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	663	147

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Cổ tức phải thu	831	-
Lãi tiền gửi	56.340	4.176
Phải thu lãi trái phiếu và tiền thu lãi cho vay	426	6.227
Trái phiếu có kỳ hạn	-	10.000
Thuế nhập khẩu được hoàn lại hoặc không phải nộp	8.236	11.905
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.114	742
Phải thu khác	5.641	7.873
	<hr/>	<hr/>
	76.588	40.923

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	375.091	219.523
Nguyên vật liệu	548.539	1.231.151
Công cụ và dụng cụ	6.133	5.757
Sản phẩm dở dang	121.595	104.992
Thành phẩm	250.546	217.382
Hàng tồn kho	11.410	10.710
Hàng gửi đi bán	7.957	131
	<hr/>	<hr/>
	1.321.271	1.789.646
Dự phòng hàng tồn kho	(9.506)	(14.304)
	<hr/>	<hr/>
	1.311.765	1.775.342
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	14.304	11.629
Tăng dự phòng trong năm	29.978	22.707
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.386)	-
Hoàn nhập trong năm	(28.390)	(20.032)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.506	14.304
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Gia súc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	505.157	1.747.393	21.446	255.103	89.539	2.618.638
Tăng trong năm	2.615	25.138	12.535	33.791	18.185	92.264
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	93.959	258.423	-	72.087	7.871	432.340
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	6.816	-	-	6.816
Thanh lý	(137)	(1.290)	(3.309)	(8.944)	(871)	(14.551)
Phân loại lại	1.678	(4.216)	-	2.556	(18)	-
Số dư cuối năm	603.272	2.025.448	37.488	354.593	114.706	3.135.507
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	138.864	792.233	5.476	93.496	59.382	1.089.451
Khấu hao trong năm	25.671	145.392	3.948	26.815	17.702	219.528
Thanh lý	(53)	(3.775)	(1.274)	(3.083)	(870)	(9.055)
Phân loại lại	98	(98)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	164.580	933.752	8.150	117.228	76.214	1.299.924
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	438.692	1.091.696	29.338	237.365	38.492	1.835.583
Số dư đầu năm	366.293	955.160	15.970	161.607	30.157	1.529.187

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 98.839 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.554 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 620.924 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 592.834 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn được sử dụng.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	35.751	43.665	79.416
Tăng trong năm	-	2.923	2.923
Số dư cuối năm	35.751	46.588	82.339
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	11.608	16.940	28.548
Phân bổ trong năm	-	14.550	14.550
Số dư cuối năm	11.608	31.490	43.098
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	24.143	15.098	39.241
Số dư đầu năm	24.143	26.725	50.868

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 26.136 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 1.103 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Việc khấu hao quyền sử dụng đất đã được chấm dứt từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003 quy định quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	356.868	598.308
Tăng trong năm	727.248	364.411
Chuyển sang hàng tồn kho	(1.636)	(15)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(432.340)	(589.341)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(16.441)
Thanh lý	-	(54)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	650.140	356.868
	<hr/>	<hr/>

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất vô thời hạn ở quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ.

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên doanh, liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	9.000	9.000
▪ Dự án Căn hộ Horizon- Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	9.943	7.493
▪ Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	7.209	7.209
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	200.000	3.200
Trái phiếu Ngân sách Nhà nước dài hạn	-	40
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
▪ Chứng khoán đã niêm yết	223.520	277.933
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	20.062	36.632
▪ Các quỹ đầu tư	106.350	106.350
▪ Các khoản đầu tư khác	122.800	122.800
	<hr/>	<hr/>
	698.884	570.657
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(96.405)	-
	<hr/>	<hr/>
	602.479	570.657
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Các khoản đầu tư ngắn hạn

▪ Chứng khoán đã niêm yết	87.537	33.071
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	82.283	147.158
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	3.200	2.400
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.227.700	106.396
▪ Trái phiếu Chính phủ	40	5
▪ Cho công ty liên doanh vay	-	207.968
	<hr/>	<hr/>
	2.400.760	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(86.507)	(122.996)
	<hr/>	<hr/>
	2.314.253	374.002

Biến động giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Đầu tư ngắn hạn		Đầu tư dài hạn	
	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	122.996	176	-	-
Tăng dự phòng trong năm	-	122.820	96.405	48.630
Hoàn nhập	(36.489)	-	-	(48.630)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	86.507	122.996	96.405	-

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát chủ yếu sau:

Tên công ty	Địa chỉ	31/12/2009		31/12/2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	55%	55%	55%	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	95 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%	64.25%	64.25%
Công ty liên doanh					
Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam	Lô A, khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	-	-	50%	50%
Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	Xã Tu Tra, Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	25%	25%	25%	25%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C, 9E Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	20%	20%	20%	20%
Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án	214 Trần Quang Khải, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24.5%	24.5%	24.5%	24.5%

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Tập đoàn đã ký một Thỏa thuận Chuyển nhượng Vốn với SABMiller Asia BV để chuyển giao toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam với giá 8.250.000 USD cho SABMiller Asia BV. Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư này, là chênh lệch từ khoản thu được và giá trị ghi sổ bằng không, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm như là doanh thu hoạt động tài chính.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Quốc tế-một công ty con được Vinamilk sở hữu hoàn toàn-đã mua tất cả cổ phiếu của các cổ đông thiểu số còn lại của Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam, dẫn đến việc tăng số cổ phiếu nắm giữ của Tập đoàn từ 64,25% lên 100%, chi tiết của việc mua lại này như sau:

	Triệu VNĐ
Tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	230
Tài sản ngắn hạn khác	211
Tài sản cố định	15.851
Bất động sản đầu tư	27.489
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	(56)
Nợ ngắn hạn khác	(20)
	<hr/>
Tài sản thuần con tại ngày mua	43.705
Trừ đi:	
Đầu tư của Tập đoàn vào tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	(28.082)
	<hr/>
Lợi ích của cổ đông thiểu số qua việc hợp nhất kinh doanh	15.623

Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Quốc tế – một công ty con được Vinamilk sở hữu hoàn toàn – đã quyết định đóng cửa Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam và đang trong quá trình phê duyệt chấm dứt hoạt động.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tổng Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	195.512
Tăng trong năm	13.853
Phân bổ trong năm	(481)
Kết chuyển giảm khác	(14.170)
	<hr/>
Số dư cuối năm	194.714

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Dự phòng các khoản đầu tư	-	29.782
Trích trước và dự phòng	51.749	17.957
Lợi nhuận chưa thực hiện	591	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.181	(463)
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	53.521	47.276

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn	3.320	178.259
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	9.963	9.963
	<hr/>	<hr/>
	13.283	188.222

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Sacombank với hạn mức tối đa là 6.300 triệu VNĐ. Khoản vay VNĐ được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 30.454 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 12% (2008: từ 2,45% đến 3,8%).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	52.305	12.868
Thuế nhập khẩu	11.474	2.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	330.271	35.527
Thuế thu nhập cá nhân	5.903	13.180
Thuế khác	9	271
	<hr/>	<hr/>
	399.962	64.187
	<hr/>	<hr/>

^(*) Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp cuối năm 2009 cao do Tập đoàn được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (9 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế) theo Thông tư của Bộ Tài chính số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ từ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hỗ trợ bán hàng cho khách hàng	143.692	106.701
Chi phí quảng cáo	38.201	21.471
Chi phí vận chuyển	13.592	5.139
Chi phí bảo trì và sửa chữa	2.736	1.531
Chi phí khác	9.910	9.210
	<hr/>	<hr/>
	208.131	144.052
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

18. Phải trả khác

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Phí công đoàn	45	514
Bảo hiểm xã hội	86	1
Tiền ký quỹ nhận được từ khách hàng	48.131	6.247
Thuế nhập khẩu phải nộp	5.179	15.906
Phải trả cổ tức	500	8.220
Phải trả cho các cổ đông thiểu số của công ty con ^(*)	20.407	23.016
Phải trả khác	9.500	20.560
	<hr/>	<hr/>
	83.848	74.464

^(*) Khoản phải trả thể hiện khoản ứng trước nhận được từ các cổ đông thiểu số để mua cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ đại diện cho các cổ đông thiểu số.

19. Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác thể hiện khoản tạm ứng nhận được từ bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Tập đoàn vào một tổ chức tín dụng trong tương lai. Việc chuyển đổi chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau năm năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

20. Vay dài hạn

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Vay dài hạn	22.418	32.381
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(9.963)	(9.963)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	12.455	22.418

Khoản vay này được ký giữa Quỹ Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 68.385 triệu VNĐ (31/12/2008: 77.554 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng 2,4% một năm trong năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 9 quý bằng nhau, mỗi quý trả 2.490 triệu VNĐ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp trong năm như sau:

	Triệu VND
Số dư đầu năm	35.900
Trích lập dự phòng trong năm	4.543
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.542)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.971)
	<hr/>
Số dư cuối năm	34.930

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 2.135 triệu VND (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần của Tập đoàn được duyệt và đã phát hành như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	351.265.300	3.512.653	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	351.265.300	3.512.653	175.275.670	1.752.757
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(15.320)	(154)	-	-
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	351.249.980	3.512.499	175.275.670	1.752.757

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	175.275.670	1.752.757	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần phát sinh trong năm	364.640	3.646	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm	(15.320)	(154)	-	-
Cổ phiếu thưởng trong năm	175.624.990	1.756.250	-	-
Số dư cuối năm	351.249.980	3.512.499	175.275.670	1.752.757

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2009, Tập đoàn phát hành 364.640 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

Vào ngày 3 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn đã mua lại 15.320 cổ phiếu của các nhân viên trong công ty đã nghỉ việc.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn đã công bố cổ phiếu thưởng là 1:1, có hiệu lực vào ngày 18 tháng 9 năm 2009 và được trích từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện tại của Tập đoàn. Cổ phiếu thưởng này được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	35.950
Vốn góp	16.086
Lỗ sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	(1.422)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	50.614
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	375
Mua công ty con từ các cổ đông thiểu số	(15.623)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	35.366

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	31/12/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	10.730.665	8.292.713
▪ Hàng hóa và vật liệu	69.238	76.760
▪ Dịch vụ	20.239	11.090
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(196.965)	(141.199)
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.406)	(30.382)
Doanh thu thuần	10.613.771	8.208.982

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

25. Giá vốn hàng bán

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	6.637.850	5.532.689
▪ Hàng hoá đã bán	50.001	60.770
▪ Dịch vụ đã cung ứng	3.850	1.445
▪ Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	910	605
▪ Chi phí do hoạt động dưới công suất bình thường	40.863	15.050
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.588	410
	<hr/>	<hr/>
	6.735.062	5.610.969
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi từ ký quỹ	106.573	60.109
Thu nhập lãi từ trái phiếu	9.274	3.593
Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	139.577	-
Thu từ bán chứng khoán vốn	33.191	119.553
Thu nhập cổ tức, cổ phiếu thưởng	18.900	29.890
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	132.217	46.050
Các khoản khác	204	5.615
	<hr/>	<hr/>
	439.936	264.810
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí hoạt động tài chính

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	6.655	26.971
Dự phòng giảm giá đầu tư	59.916	122.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	118.124	47.314
Các khoản khác	133	516
	<hr/>	<hr/>
	184.828	197.621
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

28. Thu nhập khác

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tiền bồi thường nhận được từ các bên khác	1.952	4.190
Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.749	4.265
Thu từ thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	38.634	50.097
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	91.480	73.558
Thu nhập khác	4.216	4.793
	<hr/>	<hr/>
	143.031	136.903
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí khác

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của thanh lý tài sản cố định	5.496	3.317
Chi phí khác	1.576	3.413
	<hr/>	<hr/>
	7.072	6.730
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****30. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	410.309	161.874
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	<hr/> 361.536	<hr/> 161.874
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	11.386	(17.730)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.631)	(12.910)
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	(8.619)
	<hr/> (6.245)	<hr/> (39.259)
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 355.291	<hr/> 122.615

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	31/12/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	2.731.358	1.371.313
Thuế theo thuế suất của Tập đoàn	682.816	383.968
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.631)	(12.910)
Ảnh hưởng của việc loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận tương ứng	(125)	(1.074)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trong các công ty con và các chi nhánh của Vinamilk	(113.548)	(91.749)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.131	5.988
Thu nhập không tính thuế	(2.632)	(3.081)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(149.076)	(150.946)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	1.129	1.038
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	(8.619)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	<hr/> 355.291	<hr/> 122.615

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Miễn thuế
Vinamilk		
Trụ sở chính	25%	Không
Nhà máy Cà phê Sài Gòn	25%	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2016.
Nhà máy Sữa Cần Thơ	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2008 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Dielac	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2008 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Sài Gòn	15% đến năm 2012 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến năm 2012.
Nhà máy Sữa Nghệ An	25%	Không
Nhà máy Sữa Bình Định	25%	Không
Nhà máy Sữa Hà Nội	25%	Không
Nhà máy Sữa Thống Nhất	25%	Không
Nhà máy Sữa Trường Thọ	25%	Không
Chi nhánh Hà Nội	25%	Không
Chi nhánh Đà Nẵng	25%	Không
Chi nhánh Cần Thơ	25%	Không
Xí nghiệp kho vận Thành phố Hồ Chí Minh	25%	Không
Phòng khám An Khang	25%	Không
Nhà máy sữa Tiên Sơn	25%	Miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2010 và giảm 50% từ năm 2011 đến năm 2015.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Miễn thuế
Công ty TNHH Bò sữa Việt Nam Trụ sở chính và Chi nhánh Tuyên Quang	15% đến năm 2018 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2018.
Chi nhánh Bình Định	25%	Miễn thuế trong năm 2009 và giảm 50% từ năm 2010 đến năm 2013.
Chi nhánh Nghệ An	25%	Không
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	15% đến năm 2018 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	25%	Không
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng	25%	Không

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trên cơ sở cộng gộp hai mức ưu đãi: (1) miễn thuế TNDN trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và 2005 và giảm 50% thuế TNDN cho giai đoạn 3 năm tiếp theo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, 2007 và 2008 do cổ phần hóa Công ty; và (2) được giảm thêm 50% thuế TNDN trong hai năm sau khi niêm yết chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Việc cộng dồn hai mức thuế suất ưu đãi này đã được Tổng Cục thuế cho theo công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo rằng Công ty không được cộng gộp hai loại ưu đãi thuế liên quan đến việc niêm yết chứng khoán trên HOSE và cổ phần hóa trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007. Do đó Công ty chỉ được giảm 50% thuế thay vì miễn thuế và Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty nộp khoản thuế 225.803 triệu VNĐ (76.637 triệu VNĐ cho năm 2006 và 149.166 triệu VNĐ cho năm 2007).

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2008, Thanh tra Chính phủ sau khi hoàn tất việc thanh tra tại Công ty đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp thuế TNDN liên quan đến năm 2006 và 2007 vào Ngân sách Nhà nước.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ ra Thông báo số 318/TB-VPCP xác nhận rằng các công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006 được giảm 50% thuế TNDN cho hai năm sau khi chứng khoán được niêm yết. Tuy nhiên thông báo số 318/TB-VPCP không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản thuế ưu đãi khác nhau hay không.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2009, Ban Điều Hành nhận được từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo đó thông báo cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh rằng Bộ tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán nêu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, ngày 14 tháng 1 năm 2010, Tổng Cục thuế có Công văn số 148/TCT-PC gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty trong đó nêu rõ: cho phép Công ty được cộng gộp ưu đãi thuế theo Luật thuế TNDN và ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán lần đầu khi xác định ưu đãi thuế TNDN.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa vào lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.375.692 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.250.120 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 350.950.861 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 350.900.660).

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	31/12/2009	31/12/2008
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	175.275.670	175.275.670
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 10 tháng 6 năm 2009	204.798	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu giảm vào ngày 3 tháng 9 năm 2009	(5.037)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu cổ thông thưởng phát hành vào ngày 18 tháng 9 năm 2009	175.475.430	175.624.990
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	350.950.861	350.900.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

32. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 22 tháng 7 năm 2009 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 351.281 triệu VNĐ (2.000 VNĐ trên một cổ phiếu).

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tiền lương và thưởng	28.959	33.401

34. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	365.161	216.343

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Trong vòng một năm	4.626	2.295
Trong vòng hai đến năm năm	18.530	9.230
Trên năm năm	159.364	76.384
	182.520	87.909

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc niên độ như sau:

- Tập đoàn đã thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng nhà máy sản xuất cà phê. Việc chuyển nhượng này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý I năm 2010.
- Vào ngày 8 tháng 2 năm 2010, Tập đoàn phát hành 1.806.820 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	6.528.518	5.415.693
Chi phí nhân công và nhân viên	460.890	405.048
Chi phí khấu hao và phân bổ	234.078	178.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.410	295.550
Chi phí khác	996.131	902.548

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

0 1 MAR 2010